

Bản án số: 102/2025/HS-ST

Ngày: 28-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Bích.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành A, sinh ngày 01-01-1995 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số A đường X, tổ A, khu V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: P nhà T đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Chạy xe mô tô khách; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); bị cáo có vợ Phạm Thị Thu T1 và 01 người con; tiền án: Chưa; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23-5-2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam – Công an thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

2. Dương Huy T2, sinh ngày 02-12-1983 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số A

đường L, tổ A, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Công an; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T3 (sống) và bà Nguyễn Thị K (sống); bị cáo có vợ Nguyễn Thị Kiều T4 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13-4-2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam – Công an thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Thị Hồng H, sinh ngày 25-02-1985 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số B đường L, tổ A, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Công an; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T5 (sống) và bà Vũ Thị Đ (sống); bị cáo có chồng Huỳnh Văn T6 (đã ly hôn năm 2023) và 03 người con; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13-4-2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam – Công an thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

4. Hồ Bảo N, sinh ngày 12-11-1993 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Mua bán xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Ú (sống) và bà Nguyễn Thị Mười H1 (sống); bị cáo có vợ Đỗ Hồng H2 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13-4-2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam – Công an thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

5. Trần Thị L, sinh ngày 16-7-1999 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1 (sống) và bà Lâm Thị Đ1 (sống); bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13-4-2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam – Công an thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

6. Lê Thị Quế T7, sinh ngày 22-6-2001 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ú1 (sống) và bà Huỳnh Thị L1 (sống); bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24-5-2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam – Công an thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Tuấn H3. Địa chỉ: Số A đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Minh L2. Địa chỉ: Số B đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

+ Ông Mai Hoàng P. Địa chỉ: Số B đường M, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Bích T8. Địa chỉ: Số A đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi xác minh tin báo về tội phạm từ người dân, vào lúc 22 giờ 15 phút ngày 12-4-2024 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố C kết hợp cùng Công an phường A (nay là T), quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 06 Karaoke P, địa chỉ số A, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ phát hiện 06 đối tượng gồm Trần Thị Hồng H, Nguyễn Minh L2, Dương Huy T2, Trần Tuấn H3, Hồ Bảo N và Trần Thị L có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên đã lập biên bản thu giữ những vật chứng sau:

- Chất bột màu trắng thu trên đĩa sứ hình tròn màu trắng, trên ghế trong phòng số 06 Karaoke P (chất bột màu trắng được để vào gói nilon không màu, nẹp miệng viền xanh, niêm phong theo quy định). Mẫu M1;

- 01 gói nilon không màu nẹp miệng viền xanh, chứa chất bột màu trắng (thu giữ ở cạnh bàn của phòng 06 Karaoke P). Mẫu M2;

- 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn; 01 thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel;

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax và 01 điện thoại di động Nokia 8800-RM 451; 01 xe ô tô hiệu Matiz biển số 65A-392.09 (thu của Hồ Bảo N);

- 01 điện thoại di động Iphone 15 Plus (thu của Trần Thị Hồng H);

- 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max (thu của Trần Thị L);

- 01 điện thoại di động Iphone 15 Pro max, số seri L6QRVVKVM5; tiền Việt Nam 39.500.000 đồng (thu của Dương Huy T2);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 xe mô tô biển số Exciter 65B1-676.00 (thu của Trần Tuấn H3);

- 01 điện thoại Iphone 12 số seri: FFWDQ4QKOGPV (thu của Nguyễn Thị Thực U);

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A35 (thu của Nguyễn Minh L2).

Tại Kết luận giám định số 101/KL - KTHS ngày 16-4-2024 của Phòng K1 - Công an thành phố C kết luận:

- Chất bột màu trắng thu trên đĩa sứ hình tròn màu trắng, để vào gói nilon không màu, nẹp miệng viền xanh (Mẫu M1) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,2779 gam.

- 01 gói nilon không màu nẹp miệng viền xanh, chứa chất bột màu trắng (Mẫu M2) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,9425 gam. Tổng khối lượng: 2,2204 gam ma túy, loại Ketamine.

Đến ngày 23-5-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ số 03 nhà trọ B T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ của bị cáo Nguyễn Thành A - bán trái phép ma túy cho bị cáo Trần Thị Hồng H; qua khám xét đã thu giữ:

- Chất bột màu trắng trên đĩa sứ tròn màu trắng, thu giữ trên kệ gỗ trong phòng trọ được niêm phong bằng cách cho chất bột màu trắng vào bọc nilon không màu nẹp miệng (M1);

- 01 bình thủy tinh tự chế có gắn kèm 01 ống hút màu đen và 01 nỏ thủy tinh, bên trong nỏ có chứa tinh thể không màu (M2), thu giữ trên gác phòng trọ;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 FE, màu xanh đen kèm sim 0766.012341 và sim 0783.837.278;

- Tiền Việt Nam: 140.000 đồng.

- 01 đĩa sứ tròn màu trắng, 01 quẹt gas, 01 bình gas mini.

- 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet bên trong có 01 cân điện tử không rõ nhãn hiệu và 05 bọc nilon không màu nẹp miệng thu giữ phía trên đồng hồ điện trước cửa phòng số 3 nhà trọ số B đường T.

Tại Kết luận giám định số 133/K1-KTHS ngày 29-5-2024 của Phòng K1 - Công an thành phố C kết luận:

- Chất bột màu trắng trên đĩa sứ tròn màu trắng (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,1532 gam.

- Tinh thể không màu trong nỏ thủy tinh (ký hiệu M2) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine khối lượng 0,1434 gam.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Hồ Bảo N, Trần Thị Hồng H và Dương Huy T2 khai nhận: Chiều ngày 12-4-2024 T2, N, H uống bia tại quán C (phường H, quận C, thành phố Cần Thơ). Đến tối cùng ngày thì Nguyễn Thành L3, Trần Tuấn H3 cùng đến quán; lúc có mặt 05 người gồm: N, H, T2, L3 và H3 thì N gợi ý đi hát karaoke và mua ma túy sử dụng, N nói: “Mấy anh em hôm nay đi với em một bữa”, thì T2, H, L3, H3 đều đồng ý. N điện thoại đặt phòng Karaoke của resort Cồn Khương nhưng hết phòng nên H liên hệ đặt phòng số 06 Karaoke P, địa chỉ số A, đường T, phường A, quận N. Sau đó, N điều khiển xe ô tô Matiz, biển số 65A - 392.09 chở H, L3 và T2 đến Karaoke P, riêng H3 điều khiển xe mô tô 65B1- 676.00 cùng đến Karaoke P.

Trên đường đi đến quán K2, N nói T2 đặt “đồ” (nghĩa là mua ma túy), T2 nói không biết chỗ rồi nói H đặt mua ma túy; do đã 01 lần mua ma túy của Nguyễn Thành A nên H đồng ý và hỏi N “lấy đồ (ma túy) loại gì? N nói “lấy một hộp năm với 03 viên kẹo”, được hiểu là “mua một hộp 05 Ketamine và 03 viên thuốc lắc”, H điện thoại cho A đặt mua số lượng ma túy theo lời N. Khi đến Karaoke P thì N, T2, H, L3 và H3 cùng vào phòng số 06, khoảng 05 phút sau thì H3 nói đi về có việc riêng, một lúc sẽ quay lại. Sau khi H3 đi thì Nguyễn Thành A mang ma túy đến giao, A vào phòng ngồi cạnh T2 và nói tiền ma túy là 5.400.000 đồng, H lấy ma túy kiểm tra rồi kêu A xào Ketamine cho mọi người trong phòng sử dụng, A đồng ý rồi lấy gói Ketamine để một phần vào đĩa sứ xào, gói Ketamine còn lại A đưa lại cho H để ở cạnh bàn trong phòng số 06; khi A xào xong Ketamine, N lấy tiền trả nhưng T2 nói để T2 trả, T2 đã trả cho A 5.400.000 đồng tiền ma túy và cho thêm A 100.000 đồng tiền công xào Ketamine. Khoảng 15 phút sau có 02 tiếp viên nữ là Trần Thị L và Lê Thị Quế T7 vào phòng phục vụ, khi vào phòng thì L ngồi cạnh N, T7 ngồi cạnh T2; H đưa các viên thuốc lắc cho L bẻ nhỏ cho mọi người sử dụng. Sau khi sử dụng hết thuốc lắc, thì L và N cùng kể những đường nhỏ Ketamine trên đĩa sứ để tất cả cùng sử dụng; trong lúc sử dụng Ketamine thì L và T7 cầm đĩa sứ, dùng điện thoại soi đèn pin cho N, T2, H và L3 sử dụng. Đến khoảng 20 giờ 40 phút thì H3 quay lại cùng Nguyễn Thị Thục U (sống chung như vợ chồng với H3), H3 có tham gia sử dụng Ketamine, U không sử dụng. Sau đó, do T2 nôn lên người của T7 nên T7 đi ra khỏi phòng số 06; khoảng 10 phút sau thì lực lượng Công an vào kiểm tra, lúc này trong phòng có mặt N, H, T2, L3, L, H3 và U, lực lượng Công an đã phát hiện, thu giữ số

Ketamine trên đĩa sứ và 01 gói Ketamine ở cạnh bàn mà cả nhóm đang sử dụng chưa hết.

Bị cáo Trần Thị L và Lê Thị Quế T7 đều là tiếp viên của quán K2. Vào tối ngày 12-4-2024 L và T7 cùng vào phục vụ khách uống bia tại phòng số 06 Karaoke P, khi vào phòng L ngồi cạnh N, còn T7 ngồi cạnh T2. L đã bẻ nhỏ 03 viên thuốc lắc cho cả nhóm sử dụng theo yêu cầu của H; sau đó tiếp tục cùng N kẻ Ketamine thành nhiều đường trên đĩa sứ rồi L bật đèn pin điện thoại rọi đèn đưa đĩa sứ chứa Ketamine lần lượt cho N, L3 sử dụng (hít bằng mũi). Lê Thị Quế T7 cũng lần lượt cầm đĩa sứ đựng Ketamine và rọi đèn pin điện thoại của T7 cho T2 và H sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Thành A thừa nhận: Ngày 12-4-2024 là lần thứ 02 bị cáo bán trái phép ma túy cho bị cáo H; khi bị cáo mang ma túy gồm 03 viên thuốc lắc và 01 hộp năm Ketamine đến phòng số 06 Karaoke Phụng Hoàng bị cáo thấy trong có H và 03 người nam, sau này A biết tên là L3, T2 và N; bị cáo đã thực hiện việc xào Ketamine theo yêu cầu của bị cáo H, sau đó nhận số tiền 5.500.000 đồng từ bị cáo T2 gồm tiền ma túy 5.400.000 đồng và tiền công xào Ketamine là 100.000 đồng. Trước đó, vào ngày 09-3-2024, bị cáo đã bán trái phép cho bị cáo H “nửa hộp năm Ketamine và 02 viên thuốc lắc” với giá 3.100.000 đồng, bị cáo cũng giao trực tiếp cho bị cáo H tại trước cửa phòng số 07 Karaoke P. Ngoài ra, bị cáo còn giao bán trái phép ma túy cho 03 người khác nhưng không nhớ tên và địa điểm. Nguồn ma túy bị cáo mang giao bán là của đối tượng tên “H4” ở khu vực phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ đưa bị cáo đi giao, bị cáo được “H4” trả công mỗi lần từ 300.000 đồng - 500.000 đồng, bị cáo đã sử dụng cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Đối với số ma túy gồm 0,1532 gam Ketamine còn trên đĩa sứ và 0,1434 gam ma túy, loại Methamphetamine còn trong nỏ bị thu giữ trong phòng trọ số 03 của bị cáo Nguyễn Thành A tại nhà trọ số 278/32/1D, đường T vào ngày 23-5-2024, bị cáo thừa nhận 02 loại ma túy này là của bị cáo sử dụng chưa hết nên cất giữ lại để sử dụng tiếp thì bị khám xét thu giữ.

Đối với Nguyễn Minh L2 và Trần Tuấn H3 khai: Không tham gia bàn bạc, góp tiền mua ma túy cùng H, T2 và N; L2 và H3 chỉ nghe và được rủ đi cùng đến Karaoke P. Tại phòng số 06 Karaoke P, L2 và H3 có sử dụng ma túy do H và T2 rủ. Qua kiểm tra thì L2, H3 đều dương tính với ma túy nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Minh L2 và Trần Tuấn H3 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Riêng Nguyễn Thị Thục U (đi cùng với H3) không sử

dụng ma túy, qua kiểm tra, U cũng âm tính với chất ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Cơ quan điều tra cũng đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Nguyễn Minh L2 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A35, trả cho Trần Tuấn H3 01 điện thoại di động Iphone Iphone 6S; trả cho Nguyễn Thị Thục U 01 điện thoại di động Iphone 12 màu tím.

Đối với 01 xe ô tô hiệu Matiz biển số 65A-392.09 đã làm rõ là của ông Mai Hoàng P cho bị cáo Ngọc M2 đi công việc. Việc N sử dụng xe phạm tội thì ông P không biết. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông P xe ô tô hiệu Matiz biển số 65A-392.09 và trả cho bà Trần Thị Bích T8 (mẹ Trần Tuấn H3) 01 xe mô tô Exciter biển số 65B1- 676.00, do bà T8 đứng tên sở hữu.

Đối với đối tượng tên “H4” đưa ma túy cho bị cáo Nguyễn Thành A mang giao bán trái phép, do bị cáo A khai không biết rõ họ tên thật và địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý khi đủ căn cứ.

Cáo trạng số 109/CT-VKSNK ngày 27-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo Nguyễn Thành A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Dương Huy T2, bị cáo Trần Thị Hồng H, bị cáo Hồ Bảo N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Thị L, bị cáo Lê Thị Quế T7 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015. (viết tắt BLHS 2015).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo theo tội danh và điều khoản như nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ **Đối với bị cáo Nguyễn Thành A:** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành A phạm tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”; tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đề nghị áp dụng Điều 55 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt 03 tội đối với bị cáo.

+ **Đối với bị cáo Dương Huy T2:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Dương Huy T2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 55 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt 02 tội đối với bị cáo.

+ **Đối với bị cáo Trần Thị Hồng H:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 55 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt 02 tội đối với bị cáo.

+ **Đối với bị cáo Hồ Bảo N:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Hồ Bảo N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Mức hình phạt đề nghị 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 55 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt 02 tội đối với bị cáo.

+ **Đối với bị cáo Trần Thị L:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

+ **Đối với bị cáo Lê Thị Quế T7:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Lê Thị Quế T7 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, mức hình phạt đề nghị từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

- Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 BLHS 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 gói niêm phong số 101G1-101G2/KL-KTHS ngày 16-4-2024; 02 gói niêm phong số 133G1, 133G2/KL-KTHS ngày 29-5-2024 của Phòng K1 Công an thành phố C ; 02 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel; 01 quẹt gas; 01 bình gas mini; 01 gói thuốc lá hiệu Jet; 01 cân điện tử; 05 bọc nilon không màu nep miệng, rỗng bên trong.

+ Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động Iphone 15 plus của bị cáo Hạnh H; 01 tờ tiền Việt Nam 10.000 đồng được cuộn tròn; 01 điện thoại di động Iphone XS max của bị cáo T7; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax của bị cáo L; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S20 FE và tiền Việt Nam 140.000 đồng của bị cáo A.

+ Trả lại cho bị cáo T2: tiền Việt Nam 39.500.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax.

+ Trả lại cho bị cáo N: 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax và 01 điện thoại di động N1.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo không tranh luận với Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt. Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi sai trái, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố C; Cơ quan điều tra Công an quận N, thành phố Cần Thơ; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ; Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì trong hồ sơ đã có đủ lời khai của họ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận:

Chiều ngày 12-4-2024 bị cáo T2, N, H uống bia tại quán C (phường H, quận C, thành phố Cần Thơ). Đến tối cùng ngày thì Nguyễn Thành L3, Trần Tuấn H3 cùng đến quán; bị cáo N gợi ý đi hát karaoke và mua ma túy sử dụng thì bị cáo T2, bị cáo H, L3, H3 đều đồng ý. Bị cáo N điện thoại đặt phòng Karaoke của resort Cồn Khương nhưng hết phòng nên bị cáo H liên hệ đặt phòng số 06 Karaoke P, địa chỉ số A, đường T, phường A, quận N. Sau đó, bị cáo N điều khiển xe ô tô Matiz, biển số 65A - 392.09 chở H, L3 và T2 đến Karaoke P, riêng H3 điều khiển xe mô tô biển số 65B1- 676.00 cùng đến Karaoke P.

Trên đường đi đến quán K2, bị cáo N nói bị cáo T2 đặt “đồ” (nghĩa là mua ma túy), bị cáo T2 không biết chỗ nên nói bị cáo H đặt mua ma túy. Do bị cáo H đã 01 lần mua ma túy của bị cáo Nguyễn Thành A nên H đồng ý và hỏi N “lấy đồ (ma túy) loại gì? Bị cáo N nói “lấy một hộp năm với 03 viên kẹo”, được hiểu là “mua một hộp 05 Ketamine và 03 viên thuốc lắc”, bị cáo H điện thoại cho bị cáo A đặt mua số lượng ma túy theo lời N. Khi đến Karaoke P thì N, T2, H, L3 và H3 cùng vào phòng số 06, khoảng 05 phút sau thì H3 nói đi về có việc riêng, một lúc sẽ quay lại. Sau khi

H3 đi thì Nguyễn Thành A mang ma túy đến giao, A vào phòng ngồi cạnh T2 và nói tiền ma túy là 5.400.000 đồng, H lấy ma túy kiểm tra rồi kêu A xào Ketamine cho mọi người trong phòng sử dụng, A đồng ý rồi lấy gói Ketamine để một phần vào đĩa sứ xào, gói Ketamine còn lại A đưa lại cho H để ở cạnh bàn trong phòng số 06; khi A xào xong Ketamine, N lấy tiền trả nhưng T2 nói để T2 trả, T2 đã trả cho A 5.400.000 đồng tiền ma túy và cho thêm A 100.000 đồng tiền công xào Ketamine. Khoảng 15 phút sau có 02 tiếp viên nữ là Trần Thị L và Lê Thị Quế T7 vào phòng phục vụ, H đưa các viên thuốc lắc cho L bẻ nhỏ cho mọi người sử dụng. Sau khi sử dụng hết thuốc lắc, thì L và N cùng kẻ những đường nhỏ Ketamine trên đĩa sứ để tất cả cùng sử dụng; trong lúc sử dụng Ketamine thì L và T7 cầm đĩa sứ, dùng điện thoại soi đèn pin cho N, T2, H và L3 sử dụng. Đến khoảng 20 giờ 40 phút thì H3 quay lại cùng Nguyễn Thị Thục U (sống chung như vợ chồng với H3), H3 có tham gia sử dụng Ketamine, U không sử dụng. Sau đó, do T2 nôn lên người của T7 nên T7 đi ra khỏi phòng số 06; khoảng 10 phút sau thì lực lượng Công an vào kiểm tra, lúc này trong phòng có mặt N, H, T2, L3, L, H3 và U, lực lượng Công an đã phát hiện, thu giữ số Ketamine trên đĩa sứ và 01 gói Ketamine ở cạnh bàn mà cả nhóm đang sử dụng chưa hết.

Tại Kết luận giám định số 101/KL - KTHS ngày 16-4-2024 của Phòng K1 - Công an thành phố C kết luận:

- Chất bột màu trắng thu trên đĩa sứ hình tròn màu trắng, để vào gói nilon không màu, nẹp miệng viền xanh (Mẫu M1) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,2779 gam.

- 01 gói nilon không màu nẹp miệng viền xanh, chứa chất bột màu trắng (Mẫu M2) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,9425 gam. Tổng khối lượng: 2,2204 gam ma túy, loại Ketamine.

Bị cáo Nguyễn Thành A giúp xào Ketamine cho 03 bị cáo Dương Huy T2, Trần Thị Hồng H và Hồ Bảo N tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và nhận thêm tiền công 100.000 đồng. Bị cáo Dương Huy T2, Trần Thị Hồng H và Hồ Bảo N bàn bạc, thống nhất thuê địa điểm là phòng số 06 Karaoke Phượng Hoàng mua ma túy và thuốc lắc để tổ chức sử dụng và cho Nguyễn Minh L2, Trần Tuấn H3 cùng sử dụng. Bị cáo Trần Thị L, Lê Thị Quế T7 không tham gia bàn bạc cùng 03 bị cáo T2, H, N nhưng có hành vi giúp bẻ thuốc lắc, kẻ Ketamine thành nhiều đường nhỏ trên đĩa sứ, rọi đèn, chuyển đĩa sứ có ma túy cho cho nhiều người sử dụng trái phép.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành A, Dương Huy T2, Trần Thị Hồng H, Hồ Bảo N, Trần Thị L, Lê Thị Quê T7 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Đối với 02 người trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS 2015.

Đối với bị cáo Dương Huy T2, Trần Thị Hồng H, Hồ Bảo N, khi bị công an phát hiện thu giữ khối lượng ma túy của 03 bị cáo mua chưa sử dụng hết là 2,2204 gam, loại Ketamine nên hành vi của 03 bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 BLHS 2015.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành A, ngoài việc bán ma túy cho bị cáo H, T2, N vào ngày 12-4-2024 thì bị cáo còn thừa nhận trước đó vào ngày 09-3-2024 bị cáo đã bán trái phép ma túy cho bị cáo H, bị cáo đã 02 lần bán trái phép chất ma túy, trong đó có 01 lần bán trái phép cho nhiều người nên hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 BLHS 2015. Ngoài ra, khi khám xét tại phòng trọ số 03 nhà trọ B T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ của bị cáo còn thu giữ 0,1532 gam Ketamine và 0,1434 gam Methamphetamine bị cáo cất giữ trái phép để sử dụng nên hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS 2015.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; tình tiết này là căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho các bị cáo.

Riêng bị cáo Dương Huy T2 có cha mẹ ruột, cha vợ và ông nội vợ là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huy hiệu, huân chương, huy chương, giấy khen; bị cáo có thời gian phục vụ trong ngành công an được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, danh hiệu chiến sĩ tiên tiến, giấy khen. Bị cáo Trần Thị Hồng H có cha ruột, ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huy

hiệu, huân chương, huy chương, giấy khen; bị cáo có thời gian phục vụ trong ngành công an được tặng nhiều giấy khen, huy chương chiến sĩ vẻ vang, danh hiệu chiến sĩ tiên tiến. Bị cáo Hồ Bảo N gia đình thuộc hộ khó khăn, ông nội là người có công cách mạng nuôi chứa cán bộ cách mạng 1945; bị cáo có thời gian phục vụ trong ngành công an được tặng nhiều giấy khen, danh hiệu chiến sĩ tiên tiến, bản thân cũng có đóng góp vật tư y tế, nhu yếu phẩm cho các chốt phòng chống dịch covid 19. Bị cáo Trần Thị L gia đình thuộc hộ khó khăn, ông bà là người có công cách mạng là thương binh hạng 2/4 và 3/4. Bị cáo Lê Thị Quế T7 có ông ngoại là người có công cách mạng từng tham gia kháng chiến chống Mỹ. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên các bị cáo được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015; tình tiết này là căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác.

Trong vụ án này, bị cáo N là người rủ rê bị cáo T2, bị cáo H đi hát karaoke và mua ma túy sử dụng; bị cáo H là người liên hệ đặt phòng và liên hệ mua ma túy để sử dụng; bị cáo T2 là người trả tiền mua ma túy để tổ chức sử dụng và cho Nguyễn Minh L2, Trần Tuấn H3 cùng sử dụng; bị cáo A là người giúp xào Ketamine cho 03 bị cáo T2, H, N tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo L và bị cáo T7 là người giúp sức bẻ thuốc lắc, kẻ Ketamine thành nhiều đường nhỏ trên đĩa sứ, rọi đèn, chuyển đĩa sứ có ma túy cho nhiều người sử dụng trái phép. Do đó các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm. Giữa các bị cáo không có bàn bạc vai trò cụ thể, chưa có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo T2, H, N, khi bị bắt còn thu giữ khối lượng ma túy của 03 bị cáo chưa sử dụng hết nên 03 bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm.

Các bị cáo đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính, tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, chuẩn bị địa điểm, mua ma túy để tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện.

Do vậy, hành vi này cần có mức hình phạt nghiêm, có như vậy mới giúp các bị cáo tâm đắc sửa đổi bản thân, sống phải biết đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và căn cứ vào Điều 58 BLHS 2015 để xem xét vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án nhằm đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với toàn bộ diễn biến hành vi các bị cáo thực hiện.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo mua ma túy với mục đích sử dụng cá nhân và cho người khác sử dụng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Minh L2 và Trần Tuấn H3, quá trình điều tra xác định L2 và H3 chỉ sử dụng ma túy, không có tham gia bàn bạc, góp tiền mua ma túy với bị cáo T2, H, N để mua ma túy về sử dụng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Minh L2 và Trần Tuấn H3 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31-12-2021 của Chính phủ nên không đề cập xử lý.

[8] Đối với đối tượng tên “H4” đưa ma túy cho bị cáo Nguyễn Thành A mang giao bán trái phép, do bị cáo A khai không biết rõ họ tên thật và địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý khi đủ căn cứ nên không đề cập xử lý.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với chất Ketamine, Methamphetamine còn lại sau giám định trong 02 gói niêm phong số 101G1-101G2/KL-KTHS ngày 16-4-2024 và 02 gói niêm phong số 133G1, 133G2/KL-KTHS ngày 29-5-2024 của Phòng K1 - Công an thành phố C là chất cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

+ 02 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel; 01 quạt gas; 01 bình gas mini; 01 gói thuốc lá hiệu Jet; 01 cân điện tử; 05 bọc nilon không màu nep miệng, rỗng bên trong là vật các bị cáo dùng để bán và tổ chức sử dụng ma túy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 điện thoại di động Iphone 15 plus thu giữ của bị cáo H, 01 điện thoại di động Iphone XS max thu giữ của bị cáo T7; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax

thu giữ của bị cáo L; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S20 FE thu giữ của bị cáo A, đây là phương tiện các bị cáo dùng để liên hệ đặt phòng và mua ma túy tổ chức sử dụng trái phép ma túy nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tờ tiền Việt Nam 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) và tiền Việt Nam 140.000 đồng của bị cáo A.

+ 01 điện thoại Iphone 15 Promax; 01 điện thoại Iphone 14 Promax; 01 điện thoại Nokia 8800; tiền Việt Nam 39.500.000 đồng là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo.

+ Ghi nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Minh L2 01 điện thoại S, trả lại cho Trần Tuấn H3 01 điện thoại di động Iphone Iphone 6S; trả cho ông Mai Hoàng P xe ô tô hiệu Matiz biển số 65A-392.09 và trả cho bà Trần Thị Bích T8 (mẹ Trần Tuấn H3) 01 xe mô tô Exciter biển số 65B1- 676.00.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành A** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành A 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt của ba tội buộc bị cáo phải chấp hành là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-5-2024.

2. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo **Dương Huy T2**, bị cáo **Trần Thị Hồng H** và bị cáo **Hồ Bảo N** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ **Đối với bị cáo Dương Huy T2:** Xử phạt bị cáo Dương Huy T2 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-4-2024.

+ **Đối với bị cáo Trần Thị Hồng H:** Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng H 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-4-2024.

+ **Đối với bị cáo Hồ Bảo N:** Xử phạt bị cáo Hồ Bảo N 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-4-2024.

3. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 58 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo **Trần Thị L** và bị cáo **Lê Thị Quế T7** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-4-2024.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Quế T7 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-5-2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 gói niêm phong số 101G1-101G2/KL-KTHS ngày 16-4-2024; 02 gói niêm phong số 133G1, 133G2/KL-KTHS ngày 29-5-2024 của Phòng K1 - Công an thành phố C có trọng lượng Ketamine, Methamphetamine còn lại sau giám định; 02 đĩa sù; 01 thẻ nhựa màu đen có chữ Chanel; 01 quẹt gas; 01 bình gas mini; 01 gói thuốc lá hiệu Jet; 01 cân điện tử; 05 bọc nilon không màu nếp miệng, rỗng bên trong.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 15 plus; 01 tờ tiền Việt Nam 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) được cuộn tròn; 01 điện thoại di

động Iphone XS max; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S20 FE và tiền Việt Nam 140.000 đồng (Một trăm bốn chục nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo T2 tiền Việt Nam 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax.

- Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax và 01 điện thoại di động N1.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều đang quản lý – Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31-3-2025).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng